

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh Chương trình thạc sĩ Điều hành cao cấp khóa 15 năm 2025

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 31/8/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 1515/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 28/12/2021 và Quyết định số 1878/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 16/12/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp tại Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKQTĐ).

Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo tuyển sinh Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp Khóa 15 năm 2025 như sau:

1. Mục tiêu và đối tượng đào tạo

- Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp nhằm trang bị và nâng cao các kiến thức, kỹ năng về quản trị và điều hành cho các nhà quản lý cấp cao. Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực, tự tin giải quyết một cách khoa học các vấn đề quản lý, điều hành ở vị trí đứng đầu trong các tập đoàn, doanh nghiệp, các tổ chức và cơ quan nhà nước.
- Đối tượng đào tạo của chương trình là những người đang giữ vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc có triển vọng trở thành nhà quản lý cấp cao trong các tập đoàn, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương và các tổ chức chính trị xã hội.

2. Chương trình đào tạo và bằng cấp

- Thạc sĩ Điều hành cao cấp của Đại học Kinh tế quốc dân là chương trình đào tạo hiện đại, có tính ứng dụng cao và tương đồng với các chương trình Executive MBA tiên tiến trên thế giới. Quá trình học tập được kết hợp giữa giảng lý thuyết và thực hành thông qua hoạt động nhóm, tọa đàm với các chuyên gia quốc tế, các nhà quản lý cấp cao, các doanh nhân hàng đầu Việt Nam. Học viên được trải nghiệm, giải quyết các vấn đề quản trị điều hành thực tế tại các doanh nghiệp và các địa phương trong và ngoài nước.
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp bao gồm: 14 học phần, 2 chuyên đề trên lớp, 2 chuyên đề thực tế và đề án tốt nghiệp). Học viên hoàn thành Chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ sẽ được nhận bằng Thạc sĩ Điều hành cao cấp, hệ vừa làm vừa học của Đại học Kinh tế quốc dân theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, **được học tiếp lên bậc tiến sĩ.**

- Khóa học được tổ chức theo phương thức đào tạo Executive MBA quốc tế với điều kiện, thiết bị học tập hiện đại; học viên được cung cấp đầy đủ tài liệu trước mỗi môn học, được phục vụ ăn trưa, ăn nhẹ giữa giờ trong các ngày học.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 150 học viên cho hai Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MBA dành cho cơ quan nhà nước (ngành Quản lý Kinh tế).
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MBA dành cho doanh nghiệp (ngành Quản trị Kinh doanh).

Ghi chú: Căn cứ vào tổng chỉ tiêu 2025 ĐHKQTĐ đề xuất với Bộ GD&ĐT; căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi và kết quả thi tuyển thực tế, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định số lượng chỉ tiêu cụ thể cho từng đợt, từng ngành cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo hiện hành.

4. Thời gian và địa điểm tuyển sinh

a) ĐHKQTĐ tổ chức tuyển sinh 02 lần/năm. Cụ thể:

- Đợt 1: tháng 6/2025 (dự kiến: ngày 15/6/2025)
- Đợt 2: tháng 11/2025 (dự kiến: ngày 09/11/2025)

b) Địa điểm tổ chức tuyển sinh: Tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Điều kiện về kinh nghiệm quản lý:

- Thí sinh có 2 năm kinh nghiệm quản lý.
- Các trường hợp khác do Thường trực Ban Điều hành Chương trình đề xuất, thường trực Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

b) Điều kiện về văn bằng

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ/ tiến sĩ các ngành đúng, ngành gần thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý được dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức; danh mục ngành phù hợp được quy định cụ thể tại *Phụ lục 2*.
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học trở lên không thuộc các ngành quy định ở trên phải học bổ sung kiến thức 05 học phần trước khi tuyển sinh gồm: (1) Kinh tế học; (2) Quản trị kinh doanh; (3) Quản lý học; (4) Kinh tế phát triển; (5) Lý thuyết tài chính tiền tệ.

c) Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Thí sinh đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật. Cụ thể, thí sinh phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHKQTĐ cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và còn trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (hồ sơ giấy).

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố và còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (bản giấy).

- Các thí sinh không có chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ như quy định ở trên cần đăng ký tham gia kỳ đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do ĐHKQTĐ tổ chức. Thông tin cụ thể về các kỳ đánh giá sẽ được thông báo trên website. Thí sinh đã tham dự các kỳ đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do ĐHKQTĐ tổ chức có giá trị 02 năm kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (bản giấy).

Lưu ý: Các văn bằng và bằng điểm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của thông báo tuyển sinh.

6. Bổ sung kiến thức

a) Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng với ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ thì không phải học BSKT.

b) Thí sinh phải hoàn thành chương trình học BSKT trước khi dự tuyển. Thời lượng học BSKT mỗi học phần là 02 tín chỉ.

c) Lệ phí BSKT: 830.000đ/học phần.

d) Thời gian đăng ký và tổ chức học BSKT

Đợt đăng ký	Thời gian đăng ký học	Thời gian học và thi
Đợt 1	24/1/2025 – 17/3/2025	24/3/2025 - 25/5/2025
Đợt 2	02/6/2025 - 11/8/2025	11/8/2025 – 19/10/2025

e) Lịch học, lịch thi cụ thể từng môn học BSKT sẽ được công bố trên website.

7. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh của Chương trình bao gồm 2 phần sau:

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ về quá trình học tập, công tác và quản lý của thí sinh. Điểm hồ sơ được xác định dựa trên các tiêu chí về: chức vụ, kinh nghiệm công tác và quản lý; quá trình đào tạo và phẩm chất, năng lực cá nhân thí sinh.

- Phần 2: Phỏng vấn nhằm đánh giá động cơ và khả năng hoàn thành khóa học; kiểm tra kiến thức và kinh nghiệm xử lý tình huống quản lý.

Điều kiện xét trúng tuyển:

- Thí sinh đạt điều kiện về ngoại ngữ như đã nêu ở trên
- Điểm của các phần: phần 1, phần 2 đạt từ 50% điểm mỗi phần trở lên
- Điểm xét tuyển: Tính bằng tổng kết quả của phần 1 và phần 2. Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp.

8. Thời gian, phương thức và ngôn ngữ đào tạo

- Thời gian đào tạo là 2 năm.
- Phương thức đào tạo: Học trực tiếp các ngày cuối tuần kết hợp với học trực tuyến.
- Chương trình đào tạo được thực hiện bằng **tiếng Việt**.

9. Học phí và kinh phí

Tổng số học phí và kinh phí toàn khóa học: 160.000.000 đồng, nộp theo 3 đợt. Trong đó:

- o Học phí: 138.000.000 đồng/khóa
- o Kinh phí tổ chức các hoạt động hỗ trợ học viên: 22.000.000 đồng/khóa.
- Cụ thể theo từng đợt như sau:
 - o Đợt 1: 60.000.000 đồng, nộp khi nhập học,
 - o Đợt 2: 60.000.000 đồng, nộp trước ngày 15/4/2026,
 - o Đợt 3: 40.000.000 đồng, nộp trước ngày 30/10/2026.

10. Hồ sơ dự tuyển

- Nhận hồ sơ phát hành trực tiếp tại Viện Đào tạo Sau đại học (miễn phí) hoặc sử dụng bản mềm từ website của Viện Đào tạo Sau đại học, hoàn thiện và nộp cùng các loại giấy tờ cần thiết khác trong hồ sơ đăng ký dự thi. *(Chi tiết Hồ sơ dự tuyển thí sinh xem tại Phụ lục 3)*
- Thời gian phát hành và nhận hồ sơ:
 - Đợt 1: Từ ngày 20/01 đến ngày **25/05/2025**.
 - Đợt 2: Từ ngày 20/06 đến ngày **19/10/2025**.
- Lệ phí thi tuyển (nộp cùng hồ sơ dự tuyển): 1.500.000 đồng.

11. Các mốc thời gian (dự kiến)

	Ngày phỏng vấn	Công bố kết quả	Nhập học	Khai giảng và học tập
Đợt 1	15/06/2025	30/6/2025	Tháng 7/2025	Tháng 8/2025
Đợt 2	09/11/2025	24/11/2025	Tháng 11/2025	Tháng 12/2025

12. Thông tin liên hệ: VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Phòng 405, Tòa nhà A1, Đại học Kinh tế quốc dân,

Số 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024)36.280.280, máy lẻ: 5438, 5420, 5435 và 5437.

Hotline: **0796.288.688**

Email: executivemba@neu.edu.vn

Website (Viện ĐTSDH): sdh.neu.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành (Vụ Tổ chức);
- Các UBND, Sở của các tỉnh, TP;
- Các Viện nghiên cứu, trường ĐH, Học viện;
- Các đơn vị trong ĐHKQTĐ;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

GS.TS. Phạm Hồng Chương

Phụ lục 1: Điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ

1. Danh mục chứng chỉ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Lưu ý: Trường chỉ chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thuộc danh mục các đơn vị cấp chứng chỉ được Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT phê duyệt.

2. Danh mục các trường Đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cập nhật đến tháng 11/2024)

STT	Tên trường	STT	Tên trường
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	19	Trường Đại học Thương mại
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	20	Học viện Khoa học Quân sự
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
5	Đại học Thái Nguyên	23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
6	Trường Đại học Cần Thơ	24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
7	Trường Đại học Hà Nội	25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26	Trường Đại học Ngoại thương
9	Trường Đại học Vinh	27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
10	Trường Đại học Sài Gòn	28	Đại học Kinh tế quốc dân
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	29	Đại học Kinh tế TP. HCM
12	Trường Đại học Trà Vinh	30	Trường Đại học Lạc Hồng

STT	Tên trường	STT	Tên trường
13	Trường Đại học Văn Lang	31	Trường Đại học Đồng Tháp
14	Trường Đại học Quy Nhơn	32	Trường Đại học Duy Tân
15	Trường Đại học Tây Nguyên	33	Trường Đại học Phenikaa
16	Học viện An ninh Nhân dân	34	Học Viện Ngân hàng
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền	35	Trường Đại học Tài chính - Marketing
18	Trường Đại học Công Thương		

Phụ lục 2: Danh mục các ngành phù hợp

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH ĐÚNG		NGÀNH GẦN	NGÀNH PHÙ HỢP
	Tên ngành	Mã số	Tên ngành	Mã số		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học quản lý	7340401	Các ngành đào tạo trong Bảng 1 dưới đây, trừ các NGÀNH ĐÚNG trong cột (4+5) ở bên. ĐÚNG trong cột (4+5) ở bên.	Các ngành đào tạo trong “Danh mục thống kê ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, trừ các ngành ĐÚNG (cột 4+5) và ngành GẦN (cột 6) ở bên.
2	Quản trị kinh doanh	8340101	Quản trị kinh doanh	7340101		

Bảng 2. Danh mục ngành gần với các ngành gần

TT	Tên ngành	Mã số	TT	Tên ngành	Mã số
1	Bảo hiểm	7340204	28	Quản lý công	7340403
2	Bất động sản	7340116	30	Quản lý công nghiệp	7510601
3	Công nghệ tài chính	7340205	31	Quản lý đất đai	7850103
4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	32	Quản lý đô thị và công trình	7580106
5	Kế toán	7340301	33	Quản lý dự án	7340409
6	Khoa học quản lý	7340401	34	Quản lý hoạt động bay	7840102
7	Kiểm toán	7340302	35	Quản lý nhà nước	7310205
8	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	36	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	7860109
9	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340123	37	Quản lý tài nguyên rừng	7620211
10	Kinh doanh quốc tế	7340120	38	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
11	Kinh doanh thương mại	7340121	39	Quản lý thể dục thể thao	7810301
12	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	40	Quản lý thông tin	7320205
13	Kinh tế	7310101	41	Quản lý thủy sản	7620305
14	Kinh tế chính trị	7310102	42	Quản lý trật tự an toàn giao thông	7860110
15	Kinh tế công nghiệp	7510604	43	Quản lý văn hóa	7229042
16	Kinh tế đầu tư	7310104	44	Quản lý xây dựng	7580302
17	Kinh tế gia đình	7810501	45	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
18	Kinh tế nông nghiệp	7620115	46	Quản trị khách sạn	7810201
19	Kinh tế phát triển	7310105	47	Quản trị kinh doanh	7340101
20	Kinh tế quốc tế	7310106	48	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202
21	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	49	Quản trị nhân lực	7340404

TT	Tên ngành	Mã số	TT	Tên ngành	Mã số
22	Kinh tế vận tải	7840104	50	Quản trị văn phòng	7340406
23	Kinh tế số	7310109	51	Tài chính – Ngân hàng	7340201
24	Kinh tế xây dựng	7580301	52	Thống kê kinh tế	7310107
25	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	53	Thương mại điện tử	7340122
26	Marketing	7340115	54	Tổ chức và Quản lý y tế	7720801
27	Quản lý bệnh viện	7720802	55	Toán kinh tế	7310108

Phụ lục 3: Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển gồm:

- 1) Phiếu đăng ký dự thi được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận; ảnh có đóng dấu giáp lai
- 2) Phiếu cung cấp thông tin xét tuyển, in trên khổ giấy A4, tối đa 6 trang
- 3) 02 bản sao công chứng của bằng Đại học hoặc Thạc sĩ/ Tiến sĩ
- 4) 02 bản sao công chứng bảng điểm tương ứng (nếu có)
- 5) 02 bản sao công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ
- 6) Bản sao công chứng Căn cước/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu
- 7) Bản sao công chứng của Quyết định bổ nhiệm (hoặc chứng minh thâm niên lãnh đạo)
- 8) Bản photo các văn bằng, chứng chỉ chứng minh quá trình học tập và các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã tham gia (nếu có) để tính điểm xét tuyển;
- 9) Bản photo các loại Bằng khen, giấy khen và minh chứng thành tích nổi bật trong quá trình học tập, công tác (lời thể trong chắm hồ sơ, nếu có) để tính điểm xét tuyển;
- 10) 02 ảnh cá nhân 4x6 (ghi rõ tên và ngày tháng năm sinh ở mặt sau)
- 11) Chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân cấp (nếu có)